

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 24-NGK/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0650 3768 780

Fax: 0650 3766 149

E-mail: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm* (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **CÀ PHÊ ĐÁ YAHA**

2. Thành phần: Nước, đường, bột sữa, chiết xuất cà phê (1,95 %), bột kem không sữa (1,1 %), kem béo (0,85 %), cà phê hòa tan (0,45 %), chất điều chỉnh độ acid (331(iii), 500(ii)), chất nhũ hóa (471, 481(i)), hương liệu cà phê giống tự nhiên, chất làm dày (407), muối.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 9 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và mã số nhà sản xuất xem trên nắp hoặc thân chai (năm/ tháng/ ngày).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:
 - + Đóng chai với thể tích thực ở 20 °C: 450 ml hay theo nhu cầu của thị trường.
 - + Đóng thùng với thể tích thực ở 20 °C: 6,75 L (15 chai x 450 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.
- Chất liệu bao bì: Chai PET, nắp PE. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên: GUANGZHOU PRESIDENT ENTERPRISES CORP

Địa chỉ: No. 788, Kangnan Road, Nangang Town, Huangpu District, Guangzhou City, China.

Xuất xứ: Trung Quốc

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: 24-NGK/TBCBD/2025 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



DAI, ZHILIN



CÔNG TY TNHH TRIBECO
BÌNH DƯƠNG

CÀ PHÊ ĐÁ YAHA

Số: 24-NGK/TBCBD/2025

BẢN TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dung dịch dạng lỏng.
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm.
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.

2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng	kcal/100 ml	36 - 66	Tự công bố
2	Carbohydrat	g/100 ml	6,5 - 12,1	
3	Đường tổng số	g/100 ml	6,0 - 11,1	
4	Chất đạm	g/100 ml	0,6 - 1,3	
5	Chất béo	g/100 ml	0,7 - 1,3	
6	Natri	mg/100 ml	≤ 91	

3. Các chỉ tiêu an toàn:

Theo quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.



NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

CÀ PHÊ ĐÁ YAHA

Thành phần: Nước, đường, bột sữa, chiết xuất cà phê (1,95 %), bột kem không sữa (1,1 %), kem béo (0,85 %), cà phê hòa tan (0,45 %), chất điều chỉnh độ acid (331(iii), 500(ii)), chất nhũ hóa (471, 481(i)), hương liệu cà phê giống tự nhiên, chất làm dày (407), muối.

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml:

Năng lượng: 51 kcal

Chất đạm: 0,9 g

Chất béo: 1,0 g

Carbohydrat: 9,3 g

Đường tổng số: 8,5 g

Natri: ≤ 91 mg

Thể tích thực ở 20 °C: 450 ml

Hạn sử dụng: 9 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và mã số nhà sản xuất xem trên nắp hoặc thân chai (năm/tháng/ngày).

Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm này không nên bảo quản trong ngăn đông. Ngon hơn khi uống lạnh. Sau khi mở nắp, hãy sử dụng ngay hoặc bảo quản mát ở nhiệt độ 0 °C – 6 °C và uống hết trong vòng 12 giờ. Nếu xuất hiện hiện tượng một ít chất béo sữa bị kết tụ, protein sữa và cà phê lắng đọng, đây là hiện tượng bình thường, có thể lắc đều và uống bình thường.
- **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản kín ở nơi khô ráo thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp.

Nhà sản xuất: Guangzhou President Enterprises Corp

Địa chỉ: No. 788, Kangnan Road, Nangang Town, Huangpu District, Guangzhou City, China.

Xuất xứ: Trung Quốc

Thương nhân nhập khẩu và phân phối, chịu trách nhiệm hàng hóa: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Điện thoại: 0650 3768 780 - Fax: 0650 3766 149

Thông tin cảnh báo: Nếu phát hiện chai bị phồng, vui lòng không sử dụng.

Sản phẩm có chứa thành phần làm từ sữa và đậu nành.

Tự công bố số: 24-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2025



AR-25-VD-169703-01-VI / EUVNHC-00364170- Trang : 1 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : LX2R2508270709

Mã số mẫu : 743-2025-00162575

Mã số Eol :

005-32410-536255

Tên mẫu :

Cà phê đá Yaha

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

27/08/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 10/09/2025

Thời gian thử nghiệm :

28/08/2025 - 11/09/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=1)
3	VD0GA VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ ml	EVN-R-RD-3-TP-3744 (2024) (Tham khảo ISO 16266:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
4	VD0G7 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD6XM VD (a) <i>Fecal streptococci</i>	cfu/ ml	CMMEF - tái bản lần thứ 5 2015 (APHA) - Chương 10	Không phát hiện (LOD=1)
6	VD0G4 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ ml	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=1)
7	VD385 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=1)
8	VD344 VD (a) Coliforms	cfu/ ml	TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006	Không phát hiện (LOD=1)
9	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 ml	AOAC 991.43	0.48
10	VD4P0 VD (a) Đường tổng số	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	8.54
11	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
12	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
13	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	1.41
14	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
15	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	7.13



AR-25-VD-169703-01-VI / EUVNHC-00364170- Trang : 2 / 3

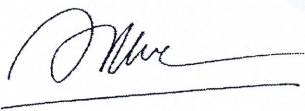
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00162575

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 ml	FAO Food and Nutrition paper 77	9.29
17	VD9T0 VD (m) Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 ml	FAO Food and Nutrition paper 77	51
18	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
19	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
20	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
21	VD1Z1 VD (a) Chì (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
22	VD1L6 VD (a) Ochratoxin A	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.1)
23	VDKCC VD Aflatoxin M1	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.1)
24	VDLK4 VD (a) Cafein	mg/ l	ISO 20481:2008	286
25	VD9D0 VD (a) Chất đạm	g/ 100 ml	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	0.94
26	VDPE4 VD (a) Chất béo	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3498	1.00
27	VDPF4 VD (a) Tro tổng	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3497	0.29
28	VDDW2 VD (a) Độ ẩm	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3496	92.3
29	VD5T7 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3500	53.9

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 16/09/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/09/2025.



AR-25-VD-169703-01-VI / EUVNHC-00364170- Trang : 3 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.





ANALYTICAL REPORT

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú
Thành phố Hồ Chí Minh, VIETNAM

Your purchase order reference: LX2R2508270709

Sample Code : 743-2025-00162575

Eol code : 005-32410-536255
Sample described as: Cà phê đá Yaha
Conditioning: Finished product
Sample reception date: 27/08/2025
Analysis Time : 28/08/2025 - 11/09/2025

Client due date : 10/09/2025

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	ISO 15213-2:2023	Not detected (LOD=1)
2	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Not detected (LOD=1)
3	VD0GA VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ ml	EVN-R-RD-3-TP-3744 (2024) (Ref. ISO 16266:2006)	Not detected (LOD=1)
4	VD0G7 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Not detected (LOD=1)
5	VD6XM VD (a) <i>Fecal streptococci</i>	cfu/ ml	CMMEF - 5th edition 2015(APHA) - Chapter 10	Not detected (LOD=1)
6	VD0G4 VD (a) Aerobic Plate Count	cfu/ ml	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Not detected (LOD=1)
7	VD385 VD (a) Total yeast and mold	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Not detected (LOD=1)
8	VD344 VD (a) Coliforms	cfu/ ml	TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006	Not detected (LOD=1)
9	VD157 VD (a) Dietary fiber	g/ 100 ml	AOAC 991.43	0.48
10	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Not detected (LOD=0.15)
11	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Not detected (LOD=0.15)
12	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	1.41
13	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Not detected (LOD=0.15)
14	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	7.13
15	VD4P0 VD (a) Total sugars	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	8.54
16	VDERJ VD (m) Carbohydrates (excluding Dietary fiber)	g/ 100 ml	FAO Food and Nutrition paper 77	9.29



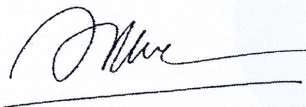
ANALYTICAL REPORT

Sample Code : 743-2025-00162575

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
17	VD9T0 VD (m) Energy value (calculated according to Carbohydrates excluding Dietary fiber)	kcal/ 100 ml	FAO Food and Nutrition paper 77	51
18	VD855 VD (a) Cadmium (Cd)	mg/ l	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
19	VD856 VD (a) Arsenic (As)	mg/ l	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
20	VD857 VD (a) Mercury (Hg)	mg/ l	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.007)
21	VD1Z1 VD (a) Lead (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
22	VD1L6 VD (a) Ochratoxin A	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Not detected (LOD=0.1)
23	VDKCC VD Aflatoxin M1	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Not detected (LOD=0.1)
24	VDLK4 VD (a) Caffeine	mg/ l	ISO 20481:2008	286
25	VDPE4 VD (a) Total Fat	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3498	1.00
26	VD9D0 VD (a) Protein	g/ 100 ml	TCVN 10034:2013 ; ISO 1871:2009	0.94
27	VDPF4 VD (a) Ash	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3497	0.29
28	VDDW2 VD (a) Moisture	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3496	92.3
29	VD5T7 VD (a) Sodium (Na)	mg/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3500	53.9

LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE



Nguyễn Anh Vũ
Business Unit Manager Food & Feed Testing in HCMC



Lý Hoàng Hải
Managing Director

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 16/09/2025, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 16/09/2025.



ANALYTICAL REPORT

EXPLANATORY NOTE

Samples are normally kept for 7 days after issuing the test report (sample retention does not apply to microbiological and perishable samples). The sample retention may be longer depending on the contract agreed with the client or requirement of authorities.

Once the sample retention time expires, Eurofins Sac Ky Hai Dang is not responsible for client complaints about test results.

This result report is issued based on the agreed requirements between Eurofins Sac Ky Hai Dang and client; and, in accordance with "general terms and conditions of service", published at www.eurofins.vn/en/eurofins-network-in-vietnam/eurofins-sac-ky-hai-dang/general-terms-conditions-of-services-supply/.

Any unauthorized copy, alteration, forgery or falsification of content or appearance of this document is illegal and violators may be prosecuted to the law.

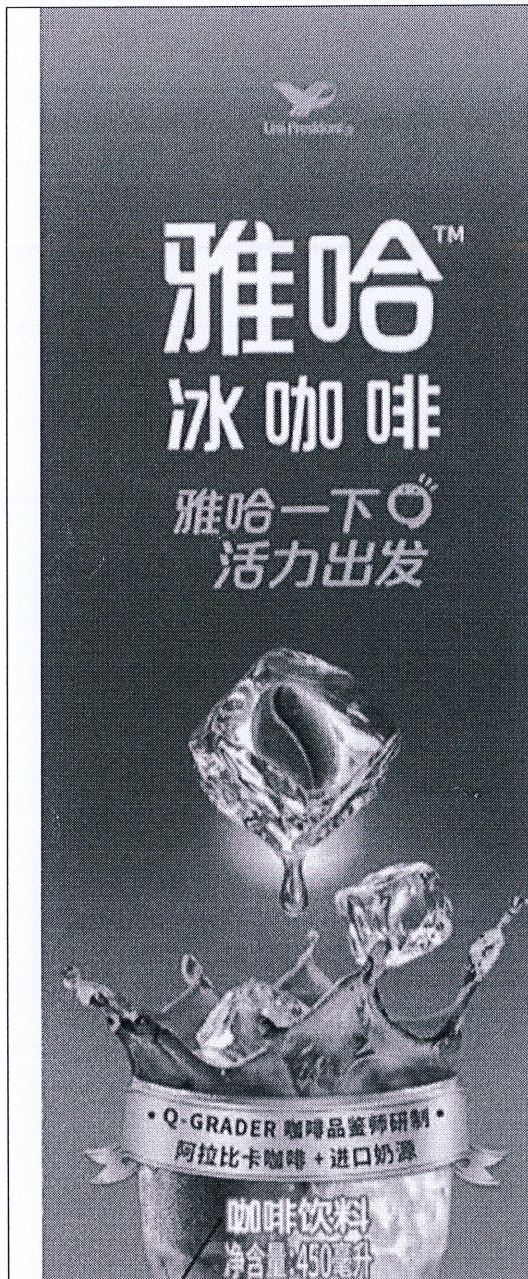
All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.

All test methods (AOAC, internal method,...) which did not state the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.

Test codes begin with "VD", "VE", "VW" and do not have "EXT" attached are performed at Eurofins Sac Ky Hai Dang.

(a): under accreditation of ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238, (m): under accreditation of ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.





UNI PRESIDENT

Cà phê đá Yaha

Yaha một tiếng, xuất phát đầy năng lượng
Được chuyên gia thẩm định cà phê quốc tế Q-Grader nghiên cứu sáng tạo

Cà phê Arabica + Sữa nhập khẩu

Cà phê

Khối lượng tịnh: 450ml

ll

L



Bắt đầu uống Yaha từ hôm nay

Cà phê thêm đá, tôi muốn tăng lương
Đi làm uống Yaha, làm việc siêu đỉnh
Một ngụm cà phê đá, cảm hứng tràn đầy

Yahahahaha

Cụng cốc cà phê, niềm vui tung bay
Muốn tan làm sớm, không thể thiếu cà phê đá

Thành phần dinh dưỡng

Chi tiết	Mỗi 100g	NRV%
Năng lượng	206kJ	2%
Protein	0.7g	1%
Chất béo	1.1g	2%
- Chất béo chuyển hóa	0g	
Carbohydrate	9.0g	3%
Natri	65mg	3%

Yaha là sản phẩm của Công ty TNHH Yaha Việt Nam, được sản xuất theo quy trình nghiêm ngặt, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm không chứa chất bảo quản, hương liệu nhân tạo. Yaha được phân phối rộng rãi tại các siêu thị, cửa hàng tạp hóa trên toàn quốc. Thông tin chi tiết về sản phẩm, vui lòng tham khảo trên website của Công ty TNHH Yaha Việt Nam.

Tên sản phẩm: Cà phê đá Yaha

Thành phần: Nước, đường, bột sữa, chiết xuất cà phê, bột kem không sữa, kem béo, cà phê hòa tan, natri hydro cacbonat, trinati citrat, mono và diglycerid của các acid béo, natri stearoyl lactylat, hương liệu thực phẩm, carrageenan, muối ăn
Thành phần làm từ cà phê Arabica (chiết xuất cà phê, cà phê hòa tan) $\geq 6\text{g/L}$

Lượng bột sữa nhập khẩu được thêm $\geq 25\text{g/L}$

Hàm lượng caffein $\geq 200\text{mg/1kg}$

Thông tin thành phần dị ứng: Sản phẩm có chứa thành phần làm từ sữa và đậu nành

Thời hạn bảo quản: 9 tháng

ll

L

	Ngày sản xuất và mã nhà sản xuất: Xem ở nắp hoặc thân chai Tiêu chuẩn sản xuất sản phẩm: GB/T 30767 Nanchang President Enterprises Co., Ltd. (Mã hiệu: NC) Địa chỉ: Số 99, đường Dân Cường, khu Hồ Thanh Sơn, thành phố Nam Xương, tỉnh Giang Tây (No.99, Minqiang Road, Qingshan Lake District, Nanchang City, Jiangxi Province) Mã bưu chính: 330096 Nơi sản xuất: Nam Xương, Giang Tây Số giấy phép sản xuất thực phẩm: SC10636011110483 Guangzhou President Enterprises Corp. (Mã hiệu: GZ) Địa chỉ: Số 788, đường Khang Nam, thị trấn Nam Cương, quận Hoàng Phố, thành phố Quảng Châu (No. 788, Kangnan Road, Nangang Town, Huangpu District, Guangzhou City) Mã bưu chính: 510760 Nơi sản xuất: Quảng Châu, Quảng Đông Số giấy phép sản xuất thực phẩm: SC10544011200048 Đường dây nóng: 400 700 0660 Số lô: 2321108 2010/2003 Sản phẩm này không nên bảo quản trong ngăn đông, nếu xuất hiện hiện tượng một ít chất béo sữa bị kết tụ, protein sữa và cà phê lắng đọng, đây là hiện tượng bình thường, có thể lắc đều và uống bình thường. Nếu phát hiện chai bị phồng, vui lòng không sử dụng. Sau khi mở nắp, hãy sử dụng ngay hoặc bảo quản mát ở nhiệt độ 0-6°C và uống hết trong vòng 12 giờ! Điều kiện bảo quản: Bảo quản kín ở nơi khô ráo thoáng mát, không có mùi lạ, tránh ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh.
--	---

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

(đã ký và đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

DAI ZHI LIN

✓ ll

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI DỊCH

Tôi **Nguyễn Thị Thùy Linh**, Thẻ căn cước công dân số: 001190001809 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/8/2022; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/ văn bản này từ **tiếng Trung sang tiếng Việt**.

Ngày 16 tháng 09 năm 2025.

NGƯỜI DỊCH

Nguyễn Thị Thùy Linh

Ngày 16 tháng 09 năm 2025 (Ngày mười sáu, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Văn phòng công chứng Tâm An, TP Hà Nội.

Tôi **Nguyễn Văn Thu**, là công chứng viên Văn phòng công chứng Tâm An, TP Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực 1224 ; Quyển số 02 – SCT/CKND

Ngày 16 tháng 09 năm 2025.

CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Văn Thu

4 - C
HỒN
HỨN
AN
I.P.H

南昌 广州



C100 M60 Y0 K0



PANTONE 10124C



CMYK

3mm

214.5mm

200mm

→ 2.5mm

→ 2.3mm

→ 2.3mm

→ 2.3 mm

3mm



雅哈™

冰咖啡

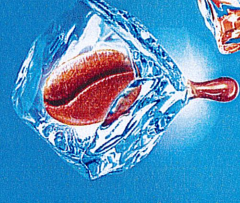
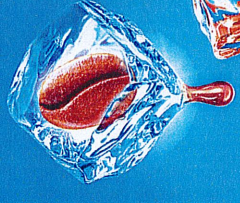
雅哈一下
活力出发



雅哈™

冰咖啡

雅哈一下
活力出发



Q-GRADER 咖啡品鉴师研制
阿拉比卡咖啡 + 进口奶源

咖啡饮料
净含量450毫升

Q-GRADER 咖啡品鉴师研制
阿拉比卡咖啡 + 进口奶源

咖啡饮料
净含量450毫升

今天开始喝雅哈

一口冰咖 灵感迸发

上班喝雅哈 工作顶呱呱

我要下班 冰咖不早了

咖啡碰杯 快乐起飞

雅哈哈哈哈

营养成分表

项目	每100毫升	NRV%
能量	200千焦	2%
蛋白质	0.7克	1%
脂肪	1.1克	2%
碳水化合物	9.0克	3%
钠	65毫克	2%

6 923303 733704

全国统一企业识别码

194mm

缩放比例95% 5.5mm

214.5mm



Tổng giám đốc
ĐẠI ZHI LIN